

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC NHÓM TRẺ 18-24 THÁNG

NĂM HỌC: 2025 – 2026

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Căn cứ quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2025 về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên

- Căn cứ vào số 179/QN-HĐT ngày 22 tháng 8 năm 2025 quyết nghị về việc phê duyệt ban hành chương trình giáo dục nhà trường năm học 2025 - 2026 của trường mầm non Thanh Chấn.

- Căn cứ Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ năm học 2025-2026 của trường mầm non Thanh Chấn số 183/KH-MNTC ngày 26 tháng 8 năm 2025.

- Căn cứ vào điều kiện thực tế về cơ sở vật chất đồ dùng đồ chơi và trình độ học sinh. Nhóm trẻ 18-24 tháng xây dựng Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

2. Phương pháp giáo dục

- Phương pháp tác động bằng tình cảm
- Phương pháp trực quan – minh họa
- Phương pháp thực hành
- Phương pháp dùng lời nói
- Phương pháp đánh giá, nêu gương

3. KHGD năm học 2025 -2026

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Thực hiện trong tháng	Điều chỉnh bổ sung
I. Lĩnh vực phát triển thể chất				
a. Chiều cao cân nặng				
1	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	- Cân nặng của trẻ + Trẻ trai đạt: 9,7-15,3kg + Trẻ gái đạt: 9,1-14,8 kg - Chiều cao của trẻ + Trẻ trai đạt: 81,7-93,9cm + Trẻ gái đạt: 80,0-92,9cm		
b. Phát triển vận động				
2	* Trẻ thực hiện được động tác phát triển các nhóm cơ hô hấp:	- Hô hấp: Tập hít thở. - Tay: + 2 tay giơ cao, hạ xuống	9->5	

	- Trẻ biết bắt chước một số động tác theo cô: Giơ cao tay - đưa về phía trước - sang ngang.	+ 2 tay đưa phía trước, hạ xuống + 2 tay đưa sang ngang, hạ xuống + 2 tay đưa ra sau, hạ xuống - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, đứng thẳng người lên + Nghiêng người sang 2 bên - Chân: + Dạng sang 2 bên + Ngồi xuống, đứng lên		
3	<i>* Trẻ thực hiện được các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu;</i> - Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8-2 m	- Tập đi, chạy: + Đi theo hướng thẳng + Đi trong đường hẹp + Đi bước qua vật cản(cao 5cm) + Đi theo hiệu lệnh + Đi bước qua gậy (dây) + Đi có mang vật trên tay +Tập bước lên, xuống bậc thang +Bước lên xuống bậc có vịn	9->5	
4	- Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Biết lăn - bắt bóng với cô	- Ngồi lăn bóng: + Lăn bóng với cô + Lăn bóng qua cổng	11	
5	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.	- Tập bò, trườn tới đích + Trườn về phía trước + Bò về phía trước có mang vật trên lưng + Bò, trườn đến vật chuẩn + Bò chui (dưới dây/gậy kê cao)	9->4	

		+ Bò chui qua cổng		
6	- Trẻ có khả năng thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2 m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5 m.	- Tập tung, ném: + Ném bóng bằng 1 tay + Ném bóng qua dây + Tung bóng qua dây + Đá bóng lăn xa lên trước 1,5m. + Đứng ném bóng vào đích nằm ngang	10,12 1,3,5	
7	<i>* Trẻ thực hiện được các vận động cử động của bàn tay ngón tay ;</i> - Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.	9->5	
8	- Trẻ biết tháo lắp, lồng được 3- 4 hộp tròn.	- Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông. - Đóng mở nắp có ren.	12	
9	- Trẻ xếp chồng được 2- 3 khối trụ	- Xếp chồng 4 - 5 khối.	9,12	
10	<i>* Trẻ có một số nề nếp thói quen tốt trong sinh hoạt;</i> - Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.	9,10	
11	- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Làm quen chế độ ngủ 1 giấc.	9,10, 11,12	
12	- Trẻ biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh	- Tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi	9,10, 11,12	

		đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.		
13	<i>* Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe;</i> - Trẻ có thể làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh. - Làm quen với rửa tay, lau mặt.	12,4, 5	
14	<i>* Trẻ nhận biết được và biết tránh một số nguy cơ không an toàn;</i> - Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.	12,5	
15	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (Sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	9,10, 5	
II. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
16	<i>* Trẻ thích khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan.</i> - Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật	- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu. - Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh - Ném vị 1 số loại quả, thức ăn - Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe	11,12 ,2,3,4 ,5	

	của đối tượng.	âm thanh - Ngửi mùi của 1 số hoa, quả quen thuộc, gần gũi. - Gõ đồ chơi và nghe âm thanh to nhỏ để nhận biết đồ vật quen thuộc		
17	<i>* Trẻ biết thể hiện sự hiểu biết và các sự vật hiện tượng gần gũi bằng các cử chỉ, lời nói;</i> - Trẻ biết bắt chước hành động đơn giản của những người thân	- Hình ảnh của bản thân trong gương bé trai, bé gái	11	
18	- Trẻ biết chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên của bản thân - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp.	9,10	
19	- Trẻ biết chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận trên cơ thể của người khi được hỏi.	- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	9,10	
20	- Trẻ biết chỉ / lấy / nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	- Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đồ chơi, đồ dùng của bản thân. - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc. - Tên của phương tiện giao thông gần gũi.	11,12 ,1,2,3 ,4	
21	- Trẻ biết chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh	- Màu đỏ, xanh. - Kích thước to - nhỏ.	12,2	

	theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.			
III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
22	<i>Trẻ nghe hiểu lời nói:</i> - Trẻ có thể thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây; đi rửa tay....	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.	9->5	
23	- Trẻ có thể hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “không được lấy!”; “không được sờ!”...	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.	1->5	
24	- Trẻ biết trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây?”; “con gì đây?”; “cái gì đây?”.....	- Nghe các câu hỏi: “ Ở đâu?”; “Con gì?”; “... thế nào?” (“Gà gáy thế nào?”); “ Cái gì?”; “ Làm gì?”. - Trả lời và đặt câu hỏi: “con gì?”; “ Cái gì?”; “ Làm gì?”.	3,4,5	
25	<i>* Trẻ biết được nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu;</i> - Trẻ có thể nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: Con vịt, vịt bơi, bé đi chơi...	- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi. - Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.	4,5	
26	- Trẻ có khả năng đọc tiếp được tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ. - Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh.		

27	<i>* Trẻ biết sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp;</i> - Trẻ nói được câu đơn 2-3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm...	- Phát âm các âm khác nhau.	1->5	
28	- Trẻ biết chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...)	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.	11,12 1,2,3 4,5	
IV. Lĩnh vực phát triển TCKNXH và thẩm mỹ				
29	<i>* Trẻ biết biểu lộ sự nhận thức về bản thân;</i> - Trẻ có khả năng nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	- Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân.	9,10	
30	<i>* Trẻ nhận biết được và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi;</i> - Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	- Giao tiếp với cô và bạn.	9->5	
31	- Trẻ cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh.	9->5	
32	- Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.	- Quan tâm đến các vật nuôi.	3,4	

33	<i>* Trẻ thực hiện được một số hành vi xã hội đơn giản;</i> - Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở.	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp, như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”.	9->5	
34	- Trẻ biết bắt chước được một vài hành vi xã hội (bé búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	9->5	
35	- Trẻ biết làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của người lớn.	3->5	
36	<i>* Trẻ biết thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc / Tô màu, vẽ nặn, xếp hình, xem tranh;</i> - Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay...).	- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.	4,5	
37	- Trẻ thích vẽ, thích xem tranh.	- Tập cầm bút vẽ. - Xem tranh.	3,4,5	

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Nguyễn Ngọc Hà

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

PHT: Lò Thị Anh Thư